

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU SQD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU SQD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SQD MATERIALS PRODUCTION AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SDQ ITIE ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109043467

3. Ngày thành lập: 30/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17, ngõ 188 Vương Thừa Vũ, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	5225
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619(Chính)
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình điện	4221
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Xây dựng công trình thủy	4291
12.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Phá dỡ	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
22.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
25.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
26.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
28.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
29.	Khai thác và thu gom than non	0520
30.	Sản xuất than cốc	1910
31.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
32.	Khai thác quặng sắt	0710
33.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
35.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
36.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
38.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
39.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
41.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
43.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn quặng kim loại	4662

50.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
52.	Đại lý du lịch	7911
53.	Điều hành tua du lịch	7912
54.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
57.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
58.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
59.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
60.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
61.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Phòng 501 A2 TT NM In tiền Quốc Gia, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	042079000030	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
2	CHU THỂ QUANG	Số nhà 36 ngõ 53 đường Nguyễn Phong Sắc, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	038081003636	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

3	NGUYỄN LƯU ANH SƠN	Số 111B tổ 6 Trung Liet, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	013430206
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU THẾ QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 15/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038081003636

Ngày cấp: 10/01/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 36 ngõ 53 đường Nguyễn Phong Sắc, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng C2606 chung cư Mulberry Lane Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội